

Bản án số: 69 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 3/8/2018

V/v “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 247/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST- HN ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ : khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 23/11/2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N đam mê vào việc ăn chơi trác táng không lo làm ăn để lo kinh tế gia đình, thường xuyên đi chơi qua đêm không về nhà, thậm chí còn ra ngoài công

khai chung sống với người khác như vợ chồng, chị đã cố gắng chịu đựng để anh N sửa chữa và thay đổi tâm tánh, nhưng không có kết quả. Đến giữa năm 2013 giữa chị và anh Nguyễn Văn N đã chính thức sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn và hiện nay chị cũng không còn tình cảm với anh N nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: trong thời gian chung sống với nhau giữa chị và anh N có 3 người con chung là: Nguyễn Ngọc Hoàng T, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 01/6/2013. Hiện 03 con chung đang sống với chị và 3 con cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với chị nên chị xin nuôi 3 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 01/6/2018 các cháu Nguyễn Ngọc Hoàng T và Nguyễn Hoàng P đều có nguyện vọng là được tiếp tục sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Nguyễn Ngọc Hoàng T, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 01/6/2013, hiện đang sống với chị T và 3 con chung đều muốn sống với chị T nên đề nghị giao 3 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Từ các lời trình bày trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ

hai nhưng anh N vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, chị T và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N còn ham chơi, nhậu nhẹt, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không lo làm ăn để phụ kinh tế gia đình. Chị và mẹ anh N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đến năm 2013 thì anh N ra ngoài chung sống công khai với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình và vợ con, nên bản thân chị nhận thấy cuộc sống với anh N không có tương lai, không thể chung sống tiếp nên cũng vào năm 2013 chị cùng 3 con về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống đến nay. Thời gian ly thân đến nay đã 5 năm nhưng anh N không có đến thăm con một lần và cũng không có liên lạc với chị lần nào nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đồng thời, anh N cũng biết việc chị T xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyễn Ngọc Hoàng T, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 01/6/2013. Hiện 3 con chung đang sống với chị T, các cháu T và P cùng có nguyện vọng muốn sống chung với chị T nên chị T xin nuôi 3 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các điều 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Ngọc T phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng T, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 01/6/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N được quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, đôi bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Ngọc T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016108 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Ngọc T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường Xuân Bình
Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Tri, ngày 3 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ..30 .phút, ngày 3 tháng 8 năm 2018

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 247/2018/TLST-HN ngày 15/5/2018 về việc “Hôn nhân và gia đình ” giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ ấp Phú Thạnh, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ : khu phố 5, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN THỐNG NHẤT 3/3 NHƯ SAU

Áp dụng các Điều 51, 56, 82,83,84,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng T, sinh ngày 15/10/2004; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 31/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 01/6/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N được quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, đôi bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Ngọc T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016108 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Ngọc T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Sáng Hà Thị Dung

Đặng Mộng Tuyên

